

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Thái.

2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị O, sinh năm 1970.

*** Bị đơn:** Ông Đặng Thế K, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà Oanh có mặt, ông Khoa vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày:**

Bà và ông Đặng Thế K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện H.T, tỉnh

Bình Thuận (nay là UBND xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyền số 01, ngày 12/11/2002.

Vợ chồng bà sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bà không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không cùng quan điểm, mỗi khi cãi nhau thì ông K dùng vũ lực, đánh đập bà. Bà đã tìm nhiều cách để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên đã dọn về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2018 đến nay. Hiện vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện để yêu cầu được ly hôn ông K.

Về con chung: Vợ chồng bà có 05 người con chung tên (1) Đặng Thị H, sinh năm 1990, (2) Đặng Thị T, sinh năm 1992, (3) Đặng Minh T, sinh năm 1994, (4) Đặng Thị N, sinh năm 1996 và (5) Đặng Thị Tuyết C, sinh năm 2000 (đã chết). Hiện các con đã đủ 18 tuổi, không thuộc trường hợp “Mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình” nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra vợ chồng bà không nhận nuôi người con nuôi nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Về phía bị đơn – Ông Đặng Thế K:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông K vắng mặt không lý do.

Qua xác minh: Vợ chồng bà O, ông K thường xuyên mâu thuẫn, ông K có dùng vũ lực đánh đập bà O.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, riêng bị đơn ông K vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Olà có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O; Về án phí: Bà O phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng dân sự:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Olà tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Đặng Thế Kvẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]**Về quan hệ hôn nhân:**Bà Trần Thị O và ông Đặng Thế K có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyền số 01, ngày 12/11/2002, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà O kiên quyết yêu cầu ly hôn vì thực tế giữa bà và ông K đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà hiện mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông K vắng mặt, không có lý do, qua đó, cho thấy ông K bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà O, ông K là trầm trọng, không thể hàn gắn được nên sẽ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]**Về con chung:**Các con của ông bà đã đủ 18 tuổi, không thuộc trường hợp “Mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ nuôi, cấp dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]**Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]**Về án phí:**Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị O được ly hôn ông Đặng Thế K.

2. Về án phí: Bà Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022619 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, bà O đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/6/2020). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND xã Tân Bình;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn